

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 778/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Minh T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 2 Nguyễn Bình K, Phường Một, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số 2 Nguyễn Bình K, Phường Một, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: 566 Ấp B, Phường Năm, thành phố MT, Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Minh T và chị Nguyễn Thanh T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: có 02 con chung tên Trần Ngọc Phương N, sinh ngày 23/6/2014 và Trần Minh H, sinh ngày 25/6/2016. Giao cháu Trần Ngọc Phương N, sinh ngày 23/6/2014 cho chị Nguyễn Thanh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Minh H, sinh ngày 25/6/2016 cho anh Trần Minh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T và chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Minh T và chị Nguyễn Thanh T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Minh T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng mà anh đã nộp theo biên lai thu số 0011889 ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang nên anh T được hoàn lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Anh Trần Minh T;
- Chị Nguyễn Thanh T1;
- VKSND TP. MT, TG;
- UBND Phường Một, TP.MT, TG;
- Chi cục T.H.A DS TP.MT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Sang